

**PHỤ LỤC 3.15: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH  
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y  
ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ  
XÉT NGHIỆM Y HỌC**

*(Ban hành kèm theo Bản công bố số 133/BVĐKLG ngày 01/04/2026  
của Bệnh viện Đa khoa Lạng Giang)*

**I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH**

1.1. Văn bằng trung cấp kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học;

1.2. Văn bằng cao đẳng kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học;

1.3. Văn bằng cử nhân kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học.

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

**II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH**

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 06 tháng tại Bệnh viện Đa khoa Lạng Giang, trong đó:

- 01 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Hồi sức cấp cứu – Chống độc.

- 05 tháng thực hành chuyên môn tại khoa Xét nghiệm.

**III. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết để thực hiện đúng, an toàn và hiệu quả các kỹ thuật xét nghiệm y học theo phạm vi hành nghề được cấp phép; tuân thủ quy định pháp luật, quy chế chuyên môn và bảo đảm an toàn người bệnh.

**2. Mục tiêu cụ thể:**

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

### 2.1. Về kiến thức

- Trình bày được các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh liên quan đến lĩnh vực xét nghiệm y học.

- Hiểu và vận dụng đúng các quy trình chuyên môn kỹ thuật xét nghiệm thuộc phạm vi hành nghề.

- Nhận biết được các nguy cơ mất an toàn sinh học, an toàn người bệnh trong hoạt động xét nghiệm.

- Hiểu nguyên tắc quản lý, bảo quản mẫu bệnh phẩm, hóa chất, sinh phẩm và trang thiết bị xét nghiệm.

### 2.2. Về kỹ năng

Học viên thực hiện được:

- Tiếp nhận, kiểm tra, bảo quản và xử lý mẫu bệnh phẩm đúng quy trình.

- Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm thông thường theo phân công của khoa/phòng chuyên môn.

- Sử dụng, bảo quản trang thiết bị xét nghiệm an toàn, hiệu quả.

- Ghi chép, báo cáo kết quả xét nghiệm chính xác, đúng quy định.

- Phối hợp làm việc nhóm, phối hợp liên chuyên khoa trong quá trình thực hiện xét nghiệm.

### 2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức và quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

- Có tinh thần trách nhiệm, trung thực, cẩn trọng trong thực hiện chuyên môn.

- Tôn trọng và giao tiếp đúng mực với người bệnh và đồng nghiệp.

- Chấp hành nghiêm quy định về an toàn sinh học, an toàn người bệnh và bảo mật thông tin.

## IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

### 1. Nội dung về lý thuyết:

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực xét nghiệm y học.

- Quy chế chuyên môn về xét nghiệm y học.

- Nguyên tắc an toàn sinh học, kiểm soát nhiễm khuẩn trong xét nghiệm.

- Đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh và bảo mật thông tin y tế.

### 2. Nội dung về thực hành:

- Thực hành tiếp nhận và xử lý mẫu bệnh phẩm.

- Thực hành các kỹ thuật xét nghiệm thường quy theo phân công.

- Thực hành sử dụng, bảo quản và vệ sinh trang thiết bị xét nghiệm.

- Thực hành ghi chép hồ sơ, sổ sách chuyên môn, báo cáo kết quả xét nghiệm.

- Thực hành xử lý sự cố chuyên môn và tình huống mất an toàn sinh học.

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu – Chống độc

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG THỰC HÀNH</b>
1	Chăm sóc người bệnh nặng
2	Ngăn ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện
3	Dự phòng huyết khối tĩnh mạch sâu
4	Vận chuyển an toàn người bệnh
5	Phụ giúp bác sỹ đặt ống nội khí quản và mở khí quản
6	Cấp cứu ngừng tuần hoàn
7	Xử trí sốc phản vệ
<b>II</b>	<b>Khoa Xét nghiệm</b>
<b>A</b>	<b>Đảm bảo chất lượng xét nghiệm</b>
1	Tổ chức quản lý phòng xét nghiệm
2	An toàn phòng xét nghiệm. Sở tay an toàn
3	Tổng quan về hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm Tài liệu hồ sơ trong quản lý chất lượng xét nghiệm Khái niệm cơ bản về Quản lý chất lượng giai đoạn trong xét nghiệm: Nội kiểm, ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm
4	Sai số trong quá trình xét nghiệm: Trước, trong và sau xét nghiệm; biện pháp khắc phục
<b>B</b>	<b>Các dịch vụ kỹ thuật</b>
	<b>A. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU</b>
1	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động
2	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động
3	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động
4	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động
5	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động
6	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động
7	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)
8	Nghiệm pháp Von-Kaulla
9	Thời gian tiêu Euglobulin
10	Thời gian máu chảy phương pháp Duke
11	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)
12	Nghiệm pháp dây thắt

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG THỰC HÀNH</b>
13	Bán định lượng D-Dimer
14	Phát hiện kháng đông nội sinh (Tên khác: Mix test)
15	Định lượng Protein C toàn phần (Protein C Antigen)
16	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)
17	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)
18	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)
19	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)
20	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng hệ thống tự động hoàn toàn (có nhuộm tiêu bản tự động)
21	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)
22	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)
23	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)
24	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)
25	Tìm mảnh vỡ hồng cầu
26	Tìm hồng cầu có chấm ưa bazơ
27	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)
28	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)
29	Máu lắng (bằng máy tự động)
30	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)
31	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)
32	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công
33	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng máy phân tích huyết học tự động
34	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học
35	Xử lý và đọc tiêu bản (tủy, lách, hạch)
36	Xử lý bệnh phẩm sinh thiết và chẩn đoán tổ chức học
37	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm tổng trở)
38	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)
39	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm laser)
40	Xét nghiệm tế bào hạch (hạch đồ)
41	Làm thủ thuật sinh thiết hạch
42	Xét nghiệm mô bệnh học hạch

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG THỰC HÀNH</b>
43	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)
44	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiến đá)
45	Định nhóm máu khó hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)
46	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)
47	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)
48	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)
49	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiến đá)
50	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)
51	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)
52	Điện di huyết sắc tố
53	Xét nghiệm nhanh HBsAg trước hiến máu đối với người hiến máu
54	Lấy máu toàn phần từ người hiến máu
55	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật nhuộm giêmsa soi kính hiển vi
56	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)
57	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu
	<b>B. HÓA SINH</b>
58	Định lượng ACTH (Adrenocorticotropic hormone) [Máu]
59	Định lượng Acid Uric [Máu]
60	Định lượng Albumin [Máu]
61	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase) [Máu]
62	Đo hoạt độ Amylase [Máu]
63	Định lượng Anti-Tg (Antibody- Thyroglobulin) [Máu]
64	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]
65	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]
66	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]
67	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]
68	Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]
69	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]
70	Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide) [Máu]
71	Định lượng Canxi toàn phần [Máu]
72	Định lượng canci ion hóa bằng điện cực chọn lọc [Máu]
73	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]
74	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG THỰC HÀNH</b>
75	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3) [Máu]
76	Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4) [Máu]
77	Định lượng Calcitonin [Máu]
78	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]
79	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE) [Máu]
80	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase) [Máu]
81	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase) [Máu]
82	Định lượng C-Peptid [Máu]
83	Định lượng Cystatine C [Máu]
84	Định lượng Cyfra 21- 1 [Máu]
85	Định lượng D-Dimer [Máu]
86	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]
87	Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]
88	Định lượng Estradiol [Máu]
89	Định lượng Ferritin [Máu]
90	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone) [Máu]
91	Định lượng Folate [Máu]
92	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]
93	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]
94	Định lượng Glucose [Máu]
95	Định lượng Globulin [Máu]
96	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]
97	Định lượng HbA1c [Máu]
98	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]
99	Định lượng IgE (Immunoglobuline E) [Máu]
100	Định lượng IgA (Immunoglobuline A) [Máu]
101	Định lượng IgG (Immunoglobuline G) [Máu]
102	Định lượng IgM (Immunoglobuline M) [Máu]
103	Định lượng Insulin [Máu]
104	Xét nghiệm Khí máu [Máu]
105	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu]
106	Đo hoạt độ Lipase [Máu]
107	Định lượng LH (Luteinizing Hormone) [Máu]
108	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG THỰC HÀNH</b>
109	Định lượng Mg [Máu]
110	Định lượng NSE (Neuron Specific Enolase) [Máu]
111	Định lượng Pre-albumin [Máu]
112	Định lượng Pro-calcitonin [Máu]
113	Định lượng Prolactin [Máu]
114	Định lượng Protein toàn phần [Máu]
115	Định lượng Progesteron [Máu]
116	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) [Máu]
117	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]
118	Định lượng PTH (Parathyroid Hormon) [Máu]
119	Định lượng RF (Reumatoid Factor) [Máu]
120	Định lượng Sắt [Máu]
121	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]
122	Định lượng T4 (Thyroxine) [Máu]
123	Định lượng Testosterol [Máu]
124	Định lượng Tg (Thyroglobulin) [Máu]
125	Định lượng Transferin [Máu]
126	Định lượng Troponin T [Máu]
127	Định lượng Troponin Ths [Máu]
128	Định lượng Troponin I [Máu]
129	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]
130	Định lượng Vitamin B12 [Máu]
131	Định tính beta hCG (test nhanh) [niệu]
132	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]
133	Định tính Opiate (test nhanh) [niệu]
134	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]
135	Định tính Heroin (test nhanh) [niệu]
136	Định lượng Clo (dịch não tủy)
137	Định lượng Glucose (dịch não tủy)
138	Phản ứng Pandy [dịch]
139	Định lượng Protein (dịch não tủy)
140	Định lượng Glucose (dịch chọc dò)
141	Định lượng Protein (dịch chọc dò)
142	Phản ứng Rivalta [dịch]

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	<b>C.VI SINH</b>
143	Vi khuẩn nhuộm soi
144	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường
145	Vi khuẩn kháng thuốc định tính
146	<i>Vibrio cholerae</i> soi tươi
147	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nhuộm soi
148	<i>Neisseria meningitidis</i> nhuộm soi
149	<i>Chlamydia</i> test nhanh
150	<i>Helicobacter pylori</i> nhuộm soi
151	<i>Helicobacter pylori</i> Ag test nhanh
152	<i>Helicobacter pylori</i> Ab test nhanh
153	<i>Treponema pallidum</i> test nhanh
154	<i>Treponema pallidum</i> RPR định tính và định lượng
155	Virus test nhanh
156	GeneXpert MTB/RIF
157	HBsAg HBsAg test nhanh
158	HBsAg miễn dịch bán tự động
159	HBsAg miễn dịch tự động
160	HBsAg định lượng
161	HBsAb test nhanh
162	HBsAb miễn dịch bán tự động
163	HBc IgM miễn dịch bán tự động
164	HBc total miễn dịch bán tự động
165	HBeAg test nhanh
166	HBeAg miễn dịch bán tự động
167	HBeAg miễn dịch tự động
168	HBeAb test nhanh
169	HBeAb miễn dịch bán tự động
170	HCV Ab test nhanh
171	HCV Ab miễn dịch bán tự động
172	HCV Ab miễn dịch tự động
173	HCV Ag/Ab miễn dịch bán tự động
174	HAV Ab test nhanh
175	HAV IgM miễn dịch bán tự động

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG THỰC HÀNH</b>
176	HAV total miễn dịch bán tự động
177	HEV Ab test nhanh
178	HEV IgM test nhanh
179	HEV IgM miễn dịch bán tự động
180	HEV IgG miễn dịch bán tự động
181	HEV IgG miễn dịch tự động
182	HIV Ab test nhanh
183	HIV Ag/Ab test nhanh
184	HIV Ab miễn dịch bán tự động
185	HIV Ab miễn dịch tự động
186	HIV Ag/Ab miễn dịch bán tự động
187	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động
188	Dengue virus NS1 Ag test nhanh
189	Dengue virus IgA test nhanh
190	Dengue virus NS1 Ag miễn dịch bán tự động
191	Dengue virus IgM/IgG test nhanh
192	Dengue virus IgG miễn dịch bán tự động
193	EV71 IgM/IgG test nhanh
194	Influenza virus A, B test nhanh
195	Rotavirus test nhanh
196	Rotavirus Ag miễn dịch bán tự động
197	Rubella virus Ab test nhanh
198	Rubella virus IgM miễn dịch bán tự động
199	Rubella virus IgG miễn dịch bán tự động
200	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi
201	Hồng cầu trong phân test nhanh
202	Trứng giun soi tập trung
203	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính
204	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh
205	<i>Demodex</i> soi tươi
206	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) soi tươi
207	<i>Trichomonas vaginalis</i> soi tươi
208	Vi nấm soi tươi
209	Vi nấm nhuộm soi

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG THỰC HÀNH</b>
210	Vi sinh vật cấy kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng
211	Vi sinh vật cấy kiểm tra bề mặt
212	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước sinh hoạt
213	Vi khuẩn gây nhiễm trùng bệnh viện - Phát hiện nguồn nhiễm
	<b>D.GIẢI PHẪU BỆNH</b>
214	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú
215	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú không dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú
216	Chọc hút kim nhỏ tuyến giáp
217	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da
218	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt
219	Chọc hút kim nhỏ các hạch
220	Chọc hút kim nhỏ màng tinh, tinh hoàn không dưới hướng dẫn của siêu âm
221	Chọc hút kim nhỏ mô mềm
222	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim
223	Tế bào học dịch màng khớp
224	Tế bào học dịch chầy phế quản
225	Tế bào học dịch rửa phế quản
226	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang
227	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm...các bệnh phẩm sinh thiết
228	Phẫu tích các loại bệnh phẩm làm xét nghiệm mô bệnh học
229	Nhuộm phiến đồ tế bào theo Papanicolaou
230	Nhuộm Giemsa
231	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy

## **V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC**

### **1. Tài liệu giảng dạy**

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư, hướng dẫn của Bộ Y tế về công tác xét nghiệm trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
- Quy định về an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm y học của Bộ Y tế (các văn bản hiện hành).

- Quy chế chuyên môn xét nghiệm y học. Hướng dẫn an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm. Quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong hoạt động xét nghiệm. Quy trình quản lý chất thải y tế phát sinh từ phòng xét nghiệm. Hướng dẫn phòng ngừa tai nạn nghề nghiệp và xử trí phơi nhiễm đối với nhân viên xét nghiệm.

- Quy tắc ứng xử của cán bộ y tế theo quy định của Bộ Y tế. Quy định về bảo mật thông tin người bệnh trong hoạt động xét nghiệm. Tài liệu đào tạo đạo đức hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

## **2. Phương pháp dạy học**

- Giảng giải, hướng dẫn trực tiếp tại khoa xét nghiệm.

- Thực hành có giám sát trên hệ thống trang thiết bị xét nghiệm của bệnh viện.

- Kèm cặp 1-1 hoặc theo nhóm nhỏ trong quá trình thực hành.

- Nhận xét, đánh giá định kỳ và cuối đợt thực hành.

## **VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH**

### **1. Cách thức đánh giá đầu ra:**

- Đánh giá thông qua quá trình tham gia thực hành tại các khoa, phòng chuyên môn theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Đánh giá mức độ hoàn thành các nội dung thực hành, kỹ năng chuyên môn, ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ người bệnh.

- Đánh giá kết quả thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo phạm vi hành nghề; khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Kết hợp nhận xét của người hướng dẫn thực hành, trưởng khoa/phòng và kết quả theo dõi trong sổ nhật ký thực hành.

**2. Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành:** Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.